

Số: /BGDDĐT-GDPT

V/v kiểm tra, khảo sát, đánh giá thực trạng sử dụng phòng học bộ môn, thiết bị dạy học trong thực hiện giáo dục STEM tại các cơ sở giáo dục

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2026

Kính gửi: Các Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Kế hoạch số 199/KH-BGDDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 05/02/2026 về việc nghiên cứu, đề xuất mô hình phòng học STEM thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo trong trường phổ thông, để đánh giá thực trạng công tác quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống phòng học bộ môn, thiết bị dạy học tại các cơ sở giáo dục phổ thông trên toàn quốc, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) đề nghị các Sở GDĐT chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn rà soát, đánh giá và thực hiện báo cáo, khảo sát:

1. Nội dung

Về phòng học bộ môn và thiết bị dạy học: Đánh giá thực trạng số lượng, chất lượng hệ thống phòng học bộ môn và thiết bị dạy học tối thiểu trong việc đáp ứng thực hiện giáo dục STEM theo cấp học.

2. Hình thức

- Sở GDĐT tổng hợp và xây dựng Báo cáo về việc triển khai thực hiện các phòng học bộ môn và thiết bị dạy học (theo Đề cương tại Phụ lục 2).

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục tham gia khảo sát trực tuyến, lựa chọn từ 10–20 cơ sở giáo dục cho mỗi cấp học, bảo đảm đại diện các khu vực trên địa bàn; mỗi cơ sở cử đại diện cán bộ quản lý, giáo viên các môn thuộc lĩnh vực STEM và nhân viên thiết bị truy cập đường link khảo sát trực tuyến: <https://nctk.edu.vn/khaosat> (hoặc quét mã QR tại Phụ lục) để cung cấp số liệu chi tiết.

- Bộ GDĐT sẽ tổ chức các Đoàn công tác tiến hành kiểm tra thực tế tại một số địa phương (danh sách và thời gian tại Phụ lục 1).

3. Tổ chức thực hiện

Các Sở GDĐT hoàn thành việc khảo sát (trước ngày 20/4/2026) và gửi Báo cáo bằng văn bản (theo đề cương tại Phụ lục 2) về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục Phổ thông) trước ngày 25/4/2026.

- Các địa phương được chọn kiểm tra, đánh giá, khảo sát trực tiếp chủ động chuẩn bị hồ sơ, báo cáo và bố trí thành phần làm việc theo yêu cầu.

Đề nghị các Sở GDĐT nghiêm túc triển khai thực hiện nội dung trên đảm bảo chất lượng và tiến độ. Mọi thông tin chi tiết liên hệ với bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, chuyên viên Vụ Giáo dục Phổ thông, số điện thoại: 0975498998 để được hướng dẫn.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TT.TTr Phạm Ngọc Thương (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GGPT.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG**



Thái Văn Tài

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**PHỤ LỤC 1****Danh sách các Sở Giáo dục và Đào tạo tiến hành đánh giá, khảo sát trực tiếp**

*(Kèm theo Công văn số 1849 /BGDDĐT-GDPT ngày 10 /4/2026
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

STT	Đơn vị	Thời gian
1	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Tháp	Ngày 17,18 tháng 4/2026
2	Sở Giáo dục và Đào tạo Lào Cai	Tháng 4/2026
3	Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa	Tháng 5/2026
4	Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ	Tháng 5/2026
5	Sở Giáo dục và Đào tạo Nghệ An	Tháng 6/2026
6	Sở Giáo dục và Đào tạo An Giang	Tháng 8/2026

(Danh sách trên gồm 06 đơn vị)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**PHỤ LỤC 2
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

*(Kèm theo Công văn số 1849 /BGDDĐT-GDPT ngày 10 /4/2026
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

ĐƠN VỊ: SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 202...

BÁO CÁO**Thực trạng các phòng học bộ môn và mức độ đáp ứng giáo dục STEM
trong nhà trường****I. THỰC TRẠNG CÁC PHÒNG HỌC BỘ MÔN****1. Về quy mô và mức độ đạt chuẩn**

- Quy mô phòng học: Tổng số trường mỗi cấp học có phòng học bộ môn được quy định theo Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 (trên tổng số trường trên địa bàn). Thống kê chi tiết tổng số phòng hiện có phân theo môn học (KH-CN/KHTN, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Công nghệ, Mĩ thuật) và theo cấp học.

- Mức độ đạt chuẩn: Tỷ lệ % phòng học bộ môn đạt tiêu chuẩn theo quy định hiện hành theo môn học và cấp học. Đánh giá sự phù hợp của cấu trúc không gian hiện tại đối với thực hiện các hoạt động giáo dục STEM (khả năng bố trí làm việc nhóm, không gian lưu trữ và trưng bày sản phẩm,...).

2. Về hạ tầng số và tần suất khai thác

- Hạ tầng số: Tỷ lệ % phòng bộ môn theo từng cấp học được trang bị đường truyền Internet tốc độ cao; tỉ lệ % phòng có hệ thống màn chiếu thông minh hoạt động ổn định phục vụ tra cứu học liệu số.

- Tần suất khai thác: Tỷ lệ % các trường theo cấp học có mức độ khai thác các phòng bộ môn để tổ chức các chủ đề STEM đạt mức: Sử dụng thường xuyên (hàng tuần) / Sử dụng thỉnh thoảng (1-2 buổi/tháng) / Rất ít hoặc chưa sử dụng. Phân tích sự tương quan giữa trang bị hạ tầng và hiệu quả sử dụng thực tế.

II. THỰC TRẠNG THIẾT BỊ DẠY HỌC TỐI THIỂU

1. Tình trạng trang bị và vận hành

- Tỷ lệ trang bị: Số trường đã được trang bị thiết bị dạy học (TBDH) tối thiểu theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT, 38/2021/TT-BGDĐT, 39/2021/TT-BGDĐT (theo cấp học).

- Tình trạng thiết bị: Tỷ lệ % TBDH hiện đang hoạt động tốt; tỷ lệ % thiết bị không phù hợp, không sử dụng được (theo môn, theo cấp học).

2. Đánh giá mức độ đáp ứng giáo dục STEM

- Sự phù hợp với giáo dục STEM: Đánh giá sự đáp ứng của các thiết bị hiện tại khi triển khai các hoạt động giáo dục STEM (bài học STEM, hoạt động trải nghiệm STEM, làm quen với/nghiên cứu khoa học kỹ thuật).

- Tính đồng bộ: Đánh giá thực trạng tính đồng bộ của TBDH (có thiết bị phần cứng và có đủ phần mềm thu thập dữ liệu đi kèm, hoặc có máy móc và có bổ sung vật tư tiêu hao để vận hành).

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Về không gian và thiết bị

Nêu các điểm hạn chế về cấu trúc không gian phòng học bộ môn, các tài nguyên/học liệu số đi kèm phần cứng. Chỉ rõ những thiếu hụt hoặc thiết bị không đảm bảo chất lượng cho các hoạt động chế tạo, đo lường kỹ thuật.

2. Về năng lực đội ngũ và sự hỗ trợ

- Giáo viên bộ môn: Mức độ tự tin và thành thạo của giáo viên khi sử dụng thiết bị dạy học cũng như các thiết bị công nghệ (cảm biến, vi điều khiển,...) để thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục STEM trong nhà trường.

- Nhân viên thiết bị: Đánh giá năng lực của đội ngũ quản lý phòng thiết bị. Chỉ rõ thực trạng nhiệm vụ chủ yếu của nhân viên, có được đào tạo về chuyên môn STEM và có thể hỗ trợ giáo viên chuẩn bị, thiết kế các thí nghiệm phức tạp hoặc hướng dẫn kỹ thuật cho học sinh hay không.

3. Về cơ chế và động lực

Phân tích những khó khăn của giáo viên về mặt thời gian, áp lực phân phối chương trình và thiếu cơ chế ghi nhận (quy đổi ra tiết dạy, khen thưởng) khi đầu tư công sức thiết kế bài dạy STEM, hoạt động trải nghiệm STEM. Khó khăn trong cơ chế tài chính để mua sắm vật tư tiêu hao thường xuyên.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

(Sở GD&ĐT căn cứ vào số liệu và thực trạng, đưa ra quan điểm tham mưu trực tiếp cho Bộ GD&ĐT về các vấn đề cốt lõi)

1. Về định hướng không gian giáo dục STEM

Nêu rõ quan điểm của địa phương về sự cần thiết nên có phòng học STEM với cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đặc thù, thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo để triển khai các hoạt động giáo dục STEM dùng chung cho toàn trường.

2. Về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục TBDH tối thiểu

- Kiến nghị cụ thể các nhóm thiết bị/vật tư cần thiết bổ sung vào danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để đáp ứng dạy học STEM, và gắn với yêu cầu chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo.

- Đề xuất cơ chế đặc thù liên quan đến vật tư, hóa chất tiêu hao hàng năm phục vụ các hoạt động giáo dục STEM của học sinh.

3. Về phát triển đội ngũ nhân sự làm công tác giáo dục STEM

Đề xuất về đào tạo/bồi dưỡng giáo viên, viên chức về vận hành và triển khai giáo dục STEM đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và cơ chế, chính sách cho đội ngũ làm công tác giáo dục STEM.

Link điền thông tin theo sở
Mỗi Sở Giáo dục gửi báo cáo
đồng thời điền thông tin theo
link [tại đây](#).



Link biểu mẫu
cho các Sở Giáo dục
tham khảo [tại đây](#).



Link điền thông tin khảo sát
dành cho các đối tượng
(Dành cho cán bộ quản lý, giáo
viên, nhân viên thiết bị)

